

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~5244~~ UBND-KGVX

Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 9 năm 2019

V/v thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2019

Kính gửi:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính.

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 993/SKH-CN-KHTC ngày 23/8/2019 và đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 2179/STC-HCSN ngày 05/9/2019 về việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ năm 2019, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý điều chỉnh khoảng kinh phí sự nghiệp khoa học còn thừa, không sử dụng hết trong dự toán được UBND tỉnh giao cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ từ năm 2016 và kết thúc trong năm 2019 để bổ sung thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ năm 2019 phát sinh là 776 triệu đồng (chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nêu trên đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định hiện hành của Nhà nước./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT (KGVX) UBND tỉnh;
- KBNN Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>lme449</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Ngọc Dũng**



## PHỤ LỤC

( Kèm theo Công văn số: 5244/UBND-KGVX ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng kinh phí bố trí cho nhiệm vụ thực hiện từ năm 2016-2019	Thực hiện	Kinh phí còn thừa	Kinh phí xin điều chỉnh cho nhiệm vụ năm 2019
A	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN CẤP TỈNH</b>	6,508,000,000	5,716,334,100	791,665,900	776,000,000
I	Sự nghiệp khoa học và Công nghệ	6,508,000,000	5,716,334,100	791,665,900	776,000,000
1	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ	6,508,000,000	5,716,334,100	791,665,900	776,000,000
	Mã số: 1081490				
	Mã KBNN GD: 2111 - KB Quảng Ngãi				
	Chương 417 Loại 100 khoản 103				
	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (MN 16)</b>	<b>6,508,000,000</b>	<b>5,716,334,100</b>	<b>791,665,900</b>	<b>776,000,000</b>
1	Dự án đang triển khai thực hiện: “Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận chè Minh Long” (Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 27/10/2016)	1,260,000,000	622,554,100	637,445,900	
2	Ứng dụng tiến bộ KT thử nghiệm ương giống cá Bớp giai đoạn từ trứng lên cá giống tại Quảng Ngãi (Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 05/8/2016)	906,000,000	879,333,000	26,667,000	
3	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sản xuất giống và thử nghiệm nuôi thương phẩm hươu đồng tại Quảng Ngãi (Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 05/8/2016)	812,000,000	784,861,000	27,139,000	
4	Dự án: Hỗ trợ ứng dụng KT sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi (Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 27/10/2016)	2,178,000,000	2,119,545,000	58,455,000	
5	Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi” (Quyết định số 1423/QĐ-UBND ngày 05/8/2016)	1,352,000,000	1,310,041,000	41,959,000	
6	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bền vững cho đoàn viên thanh niên và nông dân xã Trà Phú, huyện Trà Bồng				400,000,000
7	Dự án “Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý “Trà Bồng” cho sản phẩm quế của 02 huyện Trà Bồng và Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi” (Quyết định số 2133/QĐ-BKHHCN ngày 30/7/2019)				310,000,000
8	Đề tài: Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khuyến khích hoạt động đánh giá sự phù hợp của Doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi				66,000,000